Tiêu chuẩn yêu cầu đối tác
đáp ứng về nhãn môi trường

Ấn bản thứ 2

Ngày 7 tháng 8 năm 2026

Công ty Brother Industries, Ltd.

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

[Mục lục]

1. Lời mở đầu
2. Về Tiêu chuẩn này
3. Phạm vi áp dụng
4. Định nghĩa thuật ngữ
5. Các yêu cầu đối với đối tác cho từng loại linh kiện
5.1. Chung cho tất cả đối tác
5.2. Linh kiện điện và điện tử
5.2.1. Linh kiện thuộc bộ phận chính
5.2.2. Bảng hiển thị
5.2.3. Bảng mạch in
5.2.4. Pin
5.2.5. Dây cáp nguồn rời
5.3. Linh kiện nhựa
5.3.1. Thân sản phẩm
5.3.1.1. Tất cả các linh kiện
5.3.1.2. Tất cả các linh kiện vỏ ngoài
5.3.1.3. Linh kiện từ 25g trở lên
5.3.2. Thân sản phẩm, hộp mực, phím và nút trên bảng điều khiển
5.3.3. Thân sản phẩm, các loại nút, dây cáp nguồn
5.3.4. Hộp mực
5.3.4.1. Tất cả các linh kiện
5.3.4.2. Tất cả các linh kiện vỏ ngoài
5.4. Linh kiện kim loại
5.4.1. Nhôm, magie, sắt và hợp kim của các kim loại này từ 25g trở lên
5.5. Nguyên liệu mực in dạng bột và dạng lỏng
5.6. Trống máy in
5.7. Vật liệu đóng gói
5.7.1. Tất cả các vật liệu đóng gói
5.7.2. Vật liệu đóng gói bằng nhựa
5.7.3. Vật liệu đóng gói bằng giấy
5.8. Bản in đính kèm
6. Thông tin tham khảo: Bảng đáp ứng nhãn môi trường theo yêu cầu
7. Lịch sử sửa đổi

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

1. Lời mở đầu

Tập đoàn Brother đang nỗ lực để đạt được các nhãn môi trường của từng quốc gia. Các hạng mục yêu cầu về nhãn môi trường bao gồm những nội dung chúng tôi yêu cầu các đối tác có liên quan đến hạng mục đó phải đáp ứng.

Tiêu chuẩn này được lập ra nhằm mục đích truyền tải thông tin thích hợp đến đối tác, vì vậy sau khi đã nắm rõ các nội dung của Tiêu chuẩn này, chúng tôi rất mong nhận được sự hợp tác của quý đối tác.

2. Về Tiêu chuẩn này

Tiêu chuẩn này được lập ra dựa trên các hạng mục yêu cầu về những nhãn môi trường mà Tập đoàn Brother đã đạt được.

(1) Chúng tôi có thể yêu cầu xuất trình giấy chứng nhận hoặc cung cấp các tài liệu liên quan về những hạng mục yêu cầu đối tác đáp ứng trong Tiêu chuẩn này.

(2) Tại Tập đoàn Brother, chúng tôi thực hiện việc lấy mẫu ngẫu nhiên để đo lường, v.v... đối với một số linh kiện và vật liệu, từ đó có thể liên hệ để hỏi về các nội dung dựa trên kết quả đo được.

(3) Để duy trì liên tục sự phù hợp của nhãn môi trường, chúng tôi có thể tiến hành kiểm tra tùy theo tình hình kết quả trả lời câu hỏi, v.v...

(4) Trong một số trường hợp, các tiêu chuẩn nghiêm ngặt hơn được áp dụng tại Tiêu chuẩn thu mua xanh của Tập đoàn Brother. Trong trường hợp đó, xin hãy tuân thủ Tiêu chuẩn thu mua xanh của Tập đoàn Brother.

Sau đây là các nhãn môi trường áp dụng.

Tên nhãn môi trường	Quốc gia áp dụng
・ Nhãn Blue Angel	(tại Đức, Châu Âu)
・ Nhãn Eco Mark	(tại Nhật Bản)
・ Nhãn Nordic Swan	(tại Bắc Âu, Đan Mạch, Iceland)
・ Nhãn EPEAT	(tại Hoa Kỳ)
・ Nhãn sinh thái Hàn Quốc	(tại Hàn Quốc)
・ Nhãn môi trường Trung Quốc	(tại Trung Quốc)
・ Nhãn Green Mark	(tại Đài Loan)
・ Nhãn Eco Choice Aotearoa	(tại New Zealand)

* Trong tương lai, các nhãn môi trường áp dụng có thể thay đổi.

3. Phạm vi áp dụng

Phạm vi áp dụng của Tiêu chuẩn này dành cho tất cả đối tác đang cung cấp linh kiện, vật liệu sử dụng trong các sản phẩm thuộc ngành kinh doanh Giải pháp và In ấn.

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

4. Định nghĩa thuật ngữ

(1) Nhãn môi trường

Là Nhãn sinh thái (kiểu I trước đây) trong số 3 kiểu nhãn môi trường (Nhãn sinh thái (kiểu I trước đây), Tự tuyên bố về môi trường (kiểu II trước đây) và Tuyên bố sản phẩm môi trường (kiểu III trước đây)) được tiêu chuẩn hóa bởi ISO (Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế), và được kiểm tra, chứng nhận dựa trên phân loại sản phẩm và tiêu chuẩn đánh giá do tổ chức bên thứ ba trung lập ở riêng từng quốc gia quy định và quản lý.

(2) Sản phẩm thuộc ngành kinh doanh Giải pháp và In ấn

Các sản phẩm thiết bị hình ảnh như máy in, máy in đa chức năng, máy fax, máy ghi nhãn, máy in nhãn và máy scan, v.v...

(3) Linh kiện vỏ ngoài

Những linh kiện cấu tạo nên vỏ bên ngoài để bảo vệ thiết bị khỏi tác động của môi trường, đồng thời bảo vệ người dùng khỏi các linh kiện đang hoạt động, linh kiện sinh nhiệt, linh kiện phát sáng hoặc linh kiện dẫn điện

(4) Mã rủi ro (risk phrases)

Là việc phân loại theo Quy định EU CLP trong số các mã phân loại thể hiện mức độ rủi ro của hóa chất độc hại do Liên minh Châu Âu (EU) thiết lập.

(5) Bộ phận chính

Chúng tôi định nghĩa các linh kiện được đề cập từ a) - d) sau đây là bộ phận chính.

a) Bảng mạch in chính

b) Mạch tích hợp (IC): bộ xử lý trung tâm (CPU), ổ cứng thể rắn (SSD), ổ đĩa cứng (HDD), bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (RAM), bộ xử lý đồ họa (GPU)

c) Bộ nguồn

d) Bảng hiển thị

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

5. Các yêu cầu đối với đối tác cho từng loại linh kiện

5.1. Chung cho tất cả đối tác

(1) Không sử dụng hàm lượng cadmium vượt quá tiêu chuẩn, ngay cả đối với các linh kiện nằm trong hạng mục miễn trừ áp dụng theo Chỉ thị EU RoHS. Tuy nhiên, điều này không bao gồm các hạng mục sẽ kết thúc miễn trừ áp dụng trong vòng 1 năm.

(2) Đối với các linh kiện, nguyên liệu được sử dụng trong sản phẩm, xin vui lòng công bố (truyền đạt thông tin bằng chemSHERPA) về mã số đã được tiêu chuẩn hóa (ví dụ: CAS RN®, EC, MITI) và nồng độ đối với tất cả các hóa chất chứa bên trong.

5.2. Linh kiện điện và điện tử

5.2.1. Linh kiện thuộc bộ phận chính

(1) Yêu cầu nhà cung cấp thực hiện một trong hai biện pháp sau đây (a) hoặc b)) tại các cơ sở sản xuất linh kiện thuộc danh mục linh kiện chủ chốt (Request).

a) Lấy chứng nhận ISO50001 từ bên thứ ba

b) Cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng theo một trong các lựa chọn từ 1-3 được ghi sau đây

① Lựa chọn 1

Mức cải thiện hiệu suất năng lượng của cơ sở, được tính toán dựa trên mức thay đổi của hiệu suất năng lượng trung bình hằng năm trong 3 đến 5 năm gần đây, đạt ít nhất 2,5%. Việc cải thiện hiệu suất năng lượng đã được xác thực bằng việc cung cấp ENERGY STAR Challenge for Industry Statement of Energy Improvement, sử dụng phương pháp đo đạc và kiểm chứng theo mục 1 và 2.a tại phụ lục A trong văn bản đính kèm và đã được kiểm chứng bởi đánh giá viên đủ tư cách theo mục 3 tại phụ lục A trong văn bản đính kèm.

② Lựa chọn 2

Mức cải thiện hiệu suất năng lượng của cơ sở, được tính toán dựa trên mức thay đổi của hiệu suất năng lượng trung bình hằng năm trong 3 đến 5 năm gần đây, đạt ít nhất 2,5%. Việc cải thiện hiệu suất năng lượng phải được xác thực bằng văn bản cải thiện hiệu suất năng lượng trong đó thể hiện việc tính toán tiết kiệm năng lượng, sử dụng phương pháp đo đạc và kiểm chứng đã được phê duyệt dựa theo mục 1 và 2.b.i tại phụ lục A trong văn bản đính kèm hoặc mục 2.b.ii tại phụ lục A trong văn bản đính kèm và đã được kiểm chứng bởi đánh giá viên đủ tư cách theo mục 3 tại phụ lục A trong văn bản đính kèm. Trường hợp bên cung cấp có các dữ liệu thể hiện việc các biến số có liên quan tác động lớn đến hiệu suất năng lượng (ví dụ như sản xuất hay thời tiết), bên cung cấp được yêu cầu phải chuẩn hóa hiệu suất năng lượng dựa trên các biến số có liên quan này.

③ Lựa chọn 3

ANSI/MSE 50028-1: Chứng nhận từ bên thứ ba đối với Superior Energy Performance

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

50001 Program – Additional Requirements for Energy Management System, hoặc các chương trình tương tự đang được áp dụng trên toàn quốc và cải thiện hiệu suất năng lượng của cơ sở trung bình một năm từ 1,0% trở lên trong khoảng thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng

* Mục 1, 2 và 3 tại phụ lục A trong văn bản đính kèm vui lòng tham khảo văn bản đính kèm của Tiêu chuẩn CCM (Climate Change Mitigation Criteria, May 16, 2023 (Interim Corrections May 15, 2025)) của EPEAT 2.0.

* Liên kết có thể tham khảo văn bản đính kèm: https://globalelectronicscouncil.org/wp-content/uploads/EPEAT_CCM_2023-Interim-Corrections-May-2025.pdf

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

5.2.2. Bảng hiển thị

(1) Vui lòng cung cấp giấy chứng minh thể hiện quý đối tác có lắp đặt, vận hành thiết bị điều khiển để thu hồi hoặc tiêu hủy F-gas sinh ra trong quá trình sản xuất màn hình phẳng.

(2) Không được bổ sung thủy ngân và các hợp chất thủy ngân để làm thành phần của công thức vào nguồn sáng được sử dụng ở sản phẩm (nguồn sáng dùng để đọc bản thảo hay đèn nền của bảng điều khiển).

5.2.3. Bảng mạch in

(1) Không được sử dụng các hóa chất sau đây trong tấm nền bảng mạch - linh kiện cấu tạo nên bảng mạch in.

- Polybrominated Biphenyls (PBB)
- Polybrominated diphenyl ether (PBDE)
- Decabromodiphenyl ether
- Chlorinated paraffins (CPs)

5.2.4. Pin

(1) Pin lắp đặt bên trong thân sản phẩm không được chứa quá 0,0005wt% thủy ngân (Hg), quá 0,002wt% cadmium (Cd) và quá 0,004wt% chì (Pb) (Căn cứ theo Chỉ thị về pin của EU).

5.2.5. Dây cáp nguồn rời

(1) Đối với nhựa của dây cáp, không để tổng hàm lượng của 16 loại hydrocarbon thơm đa vòng (PAHs) sau đây vượt quá 200 mg/kg.

- Naphthalene
- Acenaphthylene
- Acenaphthene
- Fluorene
- Phenanthrene
- Anthracene
- Fluoranthene
- Pyrene
- Chrysene
- Benzo[a]anthracene
- Benzo[b]fluoranthene
- Benzo[k]fluoranthene
- Benzo[e]pyrene
- Dibenzo[a,h]anthracene
- Indeno[1,2,3-cd] pyrene
- Benzo[g,h,i]perylene

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

5.3. Linh kiện nhựa

5.3.1. Thân sản phẩm

5.3.1.1. Tất cả các linh kiện

(1) Không được sử dụng các chất sau đây.

- Tributyltin Compounds (TBT)
- Triphenyltin Compounds (TPT)

5.3.1.2. Tất cả các linh kiện vỏ ngoài

(1) Không được sử dụng các chất sau đây.

- Decabromodiphenyl ether
- Chlorinated paraffins (CPs)

5.3.1.3. Linh kiện từ 25g trở lên

(1) Không được chứa từ 0,1% (1000ppm) trở lên đối với các halogen sau đây trên mỗi đơn vị trọng lượng. Không chỉ đối với các hạt nhựa dùng làm vật liệu, mà cả khi tạo thành hình dạng cũng không được cố ý bổ sung các halogen sau đây. Đối với các linh kiện chứa từ 25% trở lên Post consumer recycled (PCR), hàm lượng phải dưới 0,5% (5000ppm). Tuy nhiên, quy định này không áp dụng cho các linh kiện chứa chất chống cháy brom hoặc clo nhằm đáp ứng các Tiêu chuẩn an toàn cháy nổ bắt buộc và không thể sử dụng các chất chống cháy không chứa halogen khác để đạt được đặc tính vật liệu và hiệu suất được yêu cầu trong số các linh kiện như bảng mạch in, dây cáp và dây dẫn, quạt và linh kiện nhựa (ngoại trừ vỏ ngoài), và cũng không áp dụng cho các linh kiện điện tử của bảng mạch in.

- Chlorine
- Bromine

(2) Không được chứa các chất hóa dẻo sau đây.

- Bis (2-ethylhexyl) phthalate (DEHP)
- Dibutyl phthalate (DBP)
- Butyl benzyl phthalate (BBP)
- Diisononyl phthalate
- Diisodecyl phthalate
- Di-n-octyl phthalate

(3) Đối với vật liệu tái chế hoặc vật liệu có nguồn gốc từ sinh khối, vui lòng cung cấp một trong các dữ liệu sau đây để có thể xác định tỷ lệ hàm lượng tối thiểu của vật liệu tái chế hoặc vật liệu có nguồn gốc từ sinh khối chứa trong vật liệu đó.

- Giấy chứng nhận của bên thứ ba thể hiện đó là vật liệu tái chế (Ví dụ: UL E 2809-2, SCS Global Services, Recycled Content Standard v 7.0, ISCC PLUS for biobased content, v.v…)
- Tài liệu tự công bố của đối tác

① Có mẫu theo quy định (Vui lòng lấy bản mới nhất từ Phòng thu mua tổng hợp của

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

công ty chúng tôi)

② Thông tin của tiêu chuẩn đã được áp dụng trong trường hợp của vật liệu có nguồn gốc từ sinh khối (Ví dụ: ISCC PLUS, v.v…)

5.3.2. Linh kiện vỏ ngoài bằng nhựa nặng từ 25g trở lên được dùng cho thân sản phẩm và hộp mực, linh kiện bằng nhựa và linh kiện bằng cao su từ 25g trở xuống được dùng cho các phím, nút trên bảng điều khiển

(1) Không được chứa từ 0,1% (1000ppm) trở lên các polymer chứa halogen và hợp chất halogen hữu cơ sau đây trên mỗi đơn vị trọng lượng.

- Brom và clo phát sinh từ chất chống cháy brom (BFR), chất chống cháy clo (CFR), polyvinyl chloride (PVC), hợp chất halogen hữu cơ được dùng làm chất chống cháy (Cho phép chứa đến mức tối đa là 5000ppm đối với các chất phụ gia hữu cơ chứa flo được sử dụng nhằm cải thiện tính chất vật lý của vật liệu nhựa)
- Hexabromocyclododecane (HBCD)
- Decabromobiphenyl ether
- Tetrabromobisphenol A
- Tris(2-chloroethyl) phosphate
- Short Chain Chlorinated Paraffins (SCCP)
- Medium Chain Chlorinated Paraffins (MCCP)

(2) Không được chứa từ 0,1% (1000ppm) trở lên các hóa chất tương ứng với một hoặc nhiều mã rủi ro hay tổ hợp các mã trong bảng sau trên mỗi đơn vị trọng lượng.

H350	Gây ung thư
H350i	Có thể gây ung thư
H340	Có thể làm tổn thương gen
H360	Có thể gây ảnh hưởng xấu đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi
H411	Độc tính cao đối với sinh vật thủy sinh và có thể gây ảnh hưởng xấu lâu dài đến môi trường thủy sinh

* Để biết chi tiết về các hóa chất tương ứng với từng mã rủi ro, vui lòng xem Quy định EU CLP và những nội dung sửa đổi được áp dụng tại thời điểm khảo sát.

(3) Các chất được đưa vào "Danh sách các chất ứng viên" theo quy định tại Điều 59 của Quy định REACH. Phiên bản của Danh sách các chất ứng viên phải luôn là phiên bản mới nhất hiện có. Đối với các chất nằm trong Danh sách các chất ứng viên, phải tuân thủ giá trị giới hạn chung là 1000 ppm hoặc giá trị nghiêm ngặt hơn – được xác định dựa trên việc phân loại theo các nhóm nguy hại theo Quy định CLP

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

5.3.3. Vỏ ngoài sản phẩm, các loại nút, dây cáp nguồn

(1) Không được sử dụng hydrocarbon thơm đa vòng (PAH) sau đây. (Trường hợp tổng hàm lượng vượt quá 20 mg/kg, vui lòng hợp tác tiến hành điều tra nguyên nhân và thực hiện giảm bớt hàm lượng)

- Benzo[a]pyrene

(2) Không được sử dụng 16 loại hydrocarbon thơm đa vòng (PAH) nêu ở 5.2.5 (1). (Trường hợp tổng hàm lượng vượt quá 200 mg/kg, vui lòng hợp tác tiến hành điều tra nguyên nhân và thực hiện giảm bớt hàm lượng)

5.3.4. Hộp mực

5.3.4.1. Tất cả các linh kiện

(1) Không được sử dụng chất sau đây.

- Chlorinated paraffins (CPs)

5.3.4.2. Tất cả các linh kiện vỏ ngoài * Tham khảo cả khoản 5.3.2 đối với linh kiện vỏ ngoài hộp mực từ 25g trở lên

(1) Không được sử dụng chất sau đây.

- Polyvinyl chloride (PVC)

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

5.4. Linh kiện kim loại

5.4.1. Linh kiện và vật liệu bằng nhôm, magie, sắt và các hợp kim của các kim loại này từ 25g trở lên

(1) Đối với nhôm, magie, sắt và các hợp kim của các kim loại này từ 25g trở lên đang được sử dụng trong các linh kiện không phải là "linh kiện không áp dụng" được liệt kê ở phần sau, vui lòng cung cấp một trong các dữ liệu sau đây để có thể xác định tỷ lệ hàm lượng tối thiểu của vật liệu tái chế chứa trong vật liệu đó.

- Giấy chứng nhận của bên thứ ba thể hiện đó là vật liệu tái chế (Ví dụ: UL E 2809-2, SCS Global Services, Recycled Content Standard v 7.0, v.v…)
- Tài liệu tự công bố của đối tác

Có mẫu theo quy định (Vui lòng lấy bản mới nhất từ Phòng thu mua tổng hợp của công ty chúng tôi)

Danh sách các linh kiện không áp dụng: oxide, khoáng chất, mạ, xử lý bề mặt, chất tạo màu, thuốc nhuộm, chất pha tạp, PCB, nhãn, dây cáp, dây nguồn, giắc cắm, linh kiện điện tử của PCB, linh kiện quang học, linh kiện ESD, linh kiện EMI, pin, AC adapter, quạt, vít, bu lông, đai ốc, long đền, chốt, trống OPC, trục từ, ITB tạo ảnh.

Trong trường hợp không thể nộp dữ liệu nêu trên, đề nghị thông báo cho Bộ phận Mua hàng Tổng hợp của chúng tôi. Sau khi trao đổi với Bộ phận Mua hàng Tổng hợp của chúng tôi, việc áp dụng tiêu chuẩn này sẽ được xem xét và quyết định theo từng trường hợp cụ thể.

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

5.5. Nguyên liệu mực in dạng bột và dạng lỏng

(1) Không được cố ý bổ sung các hóa chất từ a) – f) sau đây làm hóa chất tạo mực in dạng bột và dạng lỏng.

a) Các hóa chất sau đây được liệt kê trong Phụ lục VI Bảng 3 của Quy định EU CLP (Regulation (EC) số 1272/2008).

H350, H350i, H351	Chất gây ung thư
H340, H341	Chất gây đột biến
H360, H361	Chất có độc tính đối với sinh sản
H370, H371	Chất độc hại có tính tích tụ liên tục
H372, H373	Chất có tính bền vững lâu dài và tích tụ lâu dài

b) SVHC phiên bản mới nhất dựa trên Điều 59 của Quy định EU REACH (Regulation (EC) số 1907/2006) tại thời điểm đăng ký.

c) Niken và các hợp chất niken. Tuy nhiên, ngoại trừ các hợp chất niken cao phân tử.

d) Thuốc nhuộm azo có thể giải phóng các amin thơm gây ung thư được liệt kê trong Phụ lục XVII Phần bổ sung 8 của Quy định EU REACH (Regulation (EC) 1907/2006).

e) Chất diệt côn trùng và diệt khuẩn. * Chỉ có thể sử dụng các chất được liệt kệ như là hoạt chất ở Phụ lục I Phân loại sản phẩm 6 của Quy định về sản phẩm diệt khuẩn EU (Regulation (EU) số 528/2012) hoặc các chất đã hoàn thành việc nộp đơn xin phê duyệt.

f) Titanium dioxide dạng bột (TiO_2). Khống chế lượng TiO_2 được cố ý bổ sung có kích thước hạt dưới 10μm ở mức dưới 1%.

5.6. Trống máy in

(1) Không được bổ sung cadmium, chì, thủy ngân, selen và các hợp chất của các chất này để làm thành phần của công thức. (Đối với cadmium, chì, thủy ngân, giá trị tiêu chuẩn của hàm lượng được định nghĩa tại Phụ lục I, nhưng với tiêu chuẩn này thì việc chứa các chất này bị cấm nên yêu cầu trở nên nghiêm ngặt hơn)

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

5.7. Vật liệu đóng gói

5.7.1. Tất cả các vật liệu đóng gói

(1) Không sử dụng một cách cố ý chì, cadmium, crom hóa trị sáu và thủy ngân, đồng thời khống chế tổng giá trị tiêu chuẩn của hàm lượng chì, cadmium, crom hóa trị sáu và thủy ngân ở mức từ 100ppm trở xuống.

(2) Không được cố ý bổ sung ortho-phthalates. Ngoài ra, tổng nồng độ của este phthalat ortho được ghi tại Chỉ thị EU RoHS và Phụ lục XIV của Quy định EU REACH (danh sách cho phép) phải được khống chế ở mức từ 500ppm trở xuống.

(3) Không được cố ý bổ sung polyvinyl chloride (bao gồm polyvinylidene). Ngoài ra, tổng nồng độ của polyvinyl chloride chứa trong vật liệu đóng gói phải được khống chế ở mức từ 100ppm trở xuống, tính theo tỷ lệ khối lượng clo.

5.7.2. Vật liệu đóng gói bằng nhựa

(1) Vật liệu nhựa được sử dụng làm vật liệu đóng gói bằng nhựa không được chứa các hợp chất halogen hữu cơ.

(2) Không được sử dụng các loại chlorofluorocarbon (CFCs) hoặc hydrochlorofluorocarbon (HCFCs) làm chất tạo bọt trong vật liệu đóng gói bằng nhựa.

5.7.3. Vật liệu đóng gói bằng giấy

(1) Không được sử dụng clo (Cl_2) để tẩy trắng các sợi chưa sử dụng hoặc tái sử dụng làm bao bì sản phẩm.

(2) Về tỷ lệ pha trộn bột giấy đã qua sử dụng để làm vật liệu đóng gói bằng giấy, vui lòng đảm bảo tỷ lệ như sau: giấy carton từ 50% trở lên và giấy bìa từ 80% trở lên.

5.8. Bản in đính kèm

(1) Thiết kế theo dạng cuốn sách sao cho không gây trở ngại cho việc tái chế giấy đã qua sử dụng, và dùng giấy có tỷ lệ pha trộn bột giấy đã qua sử dụng từ 30% trở lên, không dùng clo (Cl_2) trong công đoạn tẩy trắng bột giấy.

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

6. Thông tin tham khảo: Bảng đáp ứng nhãn môi trường theo yêu cầu

Linh kiện áp dụng		Hạng mục	Nhãn Blue Angel	Nhãn sinh thái	Nhãn EPEAT	Nhãn môi trường Trung Quốc	Các nhãn khác
5.1 Chung cho tất cả đối tác							
5.1-Chung cho tất cả đối tác		(1)			○		
5.1-Chung cho tất cả đối tác		(2)			○		
5.2 Linh kiện điện và điện tử							
5.2.1-Linh kiện thuộc bộ phận chính		(1)			○		
5.2.2-Bảng hiển thị		(1)			○		
5.2.2-Bảng hiển thị		(2)		○	○		
5.2.3-Bảng mạch in		(1)	○			○	
5.2.4-Pin		(1)		○			
5.2.5-Dây cáp nguồn rời		(1)				○	
5.3 Linh kiện nhựa							
5.3.1-Thân sản phẩm	5.3.1.1-Tất cả các linh kiện	(1)				○	
	5.3.1.2-Tất cả các linh kiện vỏ ngoài	(1)	○			○	
	5.3.1.3-Linh kiện từ 25g trở lên	(1)	△		○		
	5.3.1.3-Linh kiện từ 25g trở lên	(2)				○	
	5.3.1.3-Linh kiện từ 25g trở lên	(3)			○		
5.3.2-Sản phẩm / hộp mực / phím và nút		(1)	○	○	○		
5.3.2- Sản phẩm / hộp mực / phím và nút		(2)	○	○			
5.3.2- Sản phẩm / hộp mực / phím và nút		(3)	○	○			
5.3.3- Sản phẩm / các loại nút / dây cáp nguồn		(1)				○	
5.3.3- Sản phẩm / các loại nút / dây cáp nguồn		(2)				○	
5.3.4-Hộp mực	5.3.4.1-Tất cả các linh kiện	(1)				○	
	5.3.4.2-Tất cả các linh kiện vỏ ngoài	(1)				○	
5.4 Linh kiện kim loại							
5.4-Nhôm, magie, sắt từ 25g trở lên		(1)			○		
5.5 Mực in dạng bột và dạng lỏng							
5.5-Mực in dạng bột và dạng lỏng		(1)-a	○	○			
5.5-Mực in dạng bột và dạng lỏng		(1)-b	○	○			
5.5-Mực in dạng bột và dạng lỏng		(1)-c	○	○			
5.5-Mực in dạng bột và dạng lỏng		(1)-d	○	○			
5.5-Mực in dạng bột và dạng lỏng		(1)-e	○	○			
5.5-Mực in dạng bột và dạng lỏng		(1)-f	○	○			
5.6 Trống máy in							
5.6-Trống máy in		(1)	○	○			
5.7 Vật liệu đóng gói							
5.7.1-Tất cả các vật liệu đóng gói		(1)			○		
5.7.1-Tất cả các vật liệu đóng gói		(2)			○		
5.7.1-Tất cả các vật liệu đóng gói		(3)			○		
5.7.2-Vật liệu đóng gói bằng nhựa		(1)	○	○			
5.7.2-Vật liệu đóng gói bằng nhựa		(2)		○			
5.7.3-Vật liệu đóng gói bằng giấy		(1)			○		
5.7.3-Vật liệu đóng gói bằng giấy		(2)	○		○		
5.8 Bản in đính kèm							
5.8-Tất cả các bản in đính kèm		(1)		○			

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

7. Lịch sử sửa đổi

Ngày tháng năm	Nội dung	Ghi chú
24/9/2021	Soạn thảo mới	
7/8/2026	Sửa đổi (ấn bản thứ 2)	Những điểm thay đổi chủ yếu như sau. (chỗ màu đỏ) ・Tiêu chuẩn EPEAT 1.0 【Bổ sung】Hạng mục (trống máy in) 【Thay đổi】Hạng mục (hiển thị) 【Thay đổi】Sửa cách viết (sản phẩm diệt khuẩn trong mực dạng lỏng) ・Tiêu chuẩn EPEAT 2.0 【Bổ sung】Hạng mục (linh kiện điện và điện tử) 【Bổ sung】Hạng mục (linh kiện kim loại) 【Bổ sung】Hạng mục (pin) 【Bổ sung】Bằng chứng về tỷ lệ tái chế (linh kiện nhựa, linh kiện kim loại) 【Thay đổi】Hạng mục (linh kiện nhựa) Phân loại linh kiện áp dụng Phân chia nhỏ hơn 【Thay đổi】Hạng mục (linh kiện nhựa) Chất chống cháy được áp dụng Thay đổi 【Thay đổi】Hạng mục (vật liệu đóng gói) Phân loại linh kiện áp dụng Phân chia nhỏ hơn ・Định nghĩa thuật ngữ 【Bổ sung】Bộ phận chính ・Xóa các thông tin yêu cầu ở ấn bản cũ 【Thay đổi vị trí】Bảng mạch in, màn hình tinh thể lỏng, dây cáp nguồn rời ・Bổ sung Bảng đáp ứng nhãn môi trường theo yêu cầu ・Những sửa đổi nhỏ khác về cách diễn đạt/cách viết, thống nhất cách viết

© 2026 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.